



Hoàng Sa với Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam

MX Cổ Tấn Tinh Châu

Lịch Sử dựng nước và giữ nước của ông cha chúng ta, biết bao người đã ngã xuống; hy sinh biết bao xương máu, để ngày nay, chúng ta có được một tổ quốc Việt Nam. Lãnh thổ và lãnh hải cũng chính là Hồn Thiêng Sông Núi, là Di Sản Văn Hóa của tiên nhân.

Là thế hệ thừa hưởng, chúng ta phải bảo vệ và truyền lại cho những thế hệ nối tiếp. Chúng ta không được phép quên đi bốn phân và nghĩa vụ thiêng liêng cao quý đó.

Biển và đảo không chỉ đóng vai trò quan trọng về phát triển kinh tế mà còn là địa bàn chiến lược trọng yếu bảo đảm an ninh, quốc phòng. Huân thị của vua Trần Nhân Tông: “Các người phải nhớ lời ta dặn, một tấc đất của tiên nhân để lại, cũng không được lọt vào tay kẻ khác. Ta muốn lời nhắn nhủ này như một lời di chúc cho con cháu muôn đời sau”.

Chúng ta cũng cần khơi dậy ở thế hệ trẻ niềm tin, lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ chủ quyền tổ quốc, bảo vệ hải đảo quốc gia trước sự uy hiếp của bất cứ thế lực nào.

Quần đảo Hoàng Sa có các tên gọi khác nhau như Bãi Cát Vàng, Cồn Vàng, Đại Trường Sa, Vạn Lý Trường Sa, Parcel hay Pracel và tên quốc tế thường dùng là Paracels.

Năm 1955 đơn vị đầu tiên ra bảo vệ Hoàng Sa là Tiểu Đoàn 1/TQLC Việt Nam.

Năm 1956 TD2/TQLC đang đóng quân ở bán đảo Cam Ranh, Trung Đội của tôi, Thiếu Úy Cô Tấn Tinh Châu, được chỉ định ra Hoàng Sa trong nhiệm kỳ 3 tháng để bảo vệ quần đảo này anh em đem theo hành trang, thêm lưỡi câu và dụng cụ có thể bắt cá.

Có lẽ đây là một trong những chuyến công tác đặc biệt trong cuộc đời binh nghiệp của chúng tôi. Vừa háo hức đợi chờ, lại vừa nghiêm trang của những người được vinh dự đi đến một nơi cực Đông của Tổ quốc. Các chiến sĩ TQLC ngày đó, lên chiến hạm vượt sóng đến Hoàng Sa trong trách nhiệm bảo vệ và xác định chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hòa.

Sau hải trình 1 ngày 1 đêm từ Bán Đảo Cam Ranh chúng tôi đã đến quần đảo Hoàng Sa lúc trời đã sáng. Trên tàu, chúng tôi nhìn thấy 2 lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ trên đảo Pattle và Robert đang tung bay phất phới khẳng định chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Việt Nam.

Chừng 20 phút sau tàu đã ngừng lại cách bờ đảo chừng 1 cây số. Chúng tôi đưa 1 tiểu đội lên xuồng máy cao su chạy vào đảo Robert, kế đó 2 tiểu đội còn lại với toán truyền tin cùng y tá cũng dùng xuồng cao su vào đảo Pattle.

Đây là lần đầu tiên tôi mới được bước trên lớp cát, chạm vào từng nhánh san hô giữa mảnh đất Hoàng Sa cực Đông xa xôi này. Nơi chúng tôi ở chỉ là chám nhỏ trên tấm bản đồ. Nhưng là hồn dân tộc, nơi hàng triệu con người gửi gắm niềm tin...

Sách Thánh Vũ Ký của Nguyễn Nguyên (1794-1857) cho

biết: Hải Quân Tây Sơn trong thực tế đã kiểm soát được các tuyến giao thông trên biển và là chủ nhân của các quần đảo trên biển Đông. Triều đại Tây Sơn cứ hằng năm, vào tháng hai, đội xuất hành gồm 5 chiến thuyền ra Hoàng Sa thu nhặt hàng hóa vật dụng của tàu bị nạn, tìm kiếm hải sản và ở lại đây đến tháng 8 mới trở về nộp cho triều đình Phú Xuân, nay còn lưu truyền câu ca dao:

“Chiều chiều ra ngóng biển xa.

Ngóng ai đi lính Hoàng Sa chưa về?

Mãn mùa tu hú kêu thanh.

Cá chuồn đã vắng sao anh chưa về?”?

Hoàng Sa là một quần đảo có vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú. Khu vực quần đảo Hoàng Sa thuộc vùng biển rộng khoảng 30.000 km², nằm ngang bờ biển các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và một phần tỉnh Quảng Ngãi.

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA: Diện tích 305 km², bao gồm một quần đảo san hô nằm cách đất liền khoảng 315 cây số. Đây là một chuỗi đảo gồm các đảo:

Cam Tuyền hay Hữu Nhật (Robert), hình tròn, diện tích là 232 mét vuông, là đảo san hô nên có nhiều phốt phát (phân chim). Chung quanh đảo có nhiều cây cối, chính giữa là lòng chảo không sâu cho lắm. Biển quanh đảo có nhiều rong biển, phủ gần kín cả mặt biển. Năm 1925 nhiều công ty Nhật Bản đã xin phép chính quyền Pháp tại Đông-Dương để khai thác phốt-phát trên đảo Robert (Hữu Nhật) (Cam Tuyền) và họ đã xây một con đê bằng đá phốt-phát (jetée en blocs de phosphate) và một chiếc cầu sắt dài 300 thước nơi đảo Robert, để tiện việc chuyên chở phốt-phát lên tàu thủy.

Đảo Quang Hòa Đông (Duncan), diện tích 248 mét vuông. Phía Đông đảo là rừng cây phốt phát và cây nhàu, phía Tây toàn san hô.

Đảo Quang Hòa Tây (Palon Island) hình tròn, diện tích 241 mét vuông. Trên đảo toàn cây nhàu và phốt phát.

Đảo Duy Mệnh (Drummond) hình bầu dục, diện tích

241 mét vuông. Toàn đảo chỉ có nhàu và phốt phát.

Đảo Hoàng Sa (Pattle) có hình chữ nhật, chu vi 2100m, diện tích 230 mét vuông, gồm cả vòng san hô bao quanh. Tuy là đảo chính nhưng không phải là đảo lớn nhất lại có vị trí quân sự thích hợp cho việc phòng thủ bờ biển Việt Nam. Đảo dài khoảng hơn 600m, rộng khoảng 400m, là đảo quan trọng nhất đã được khai phá từ lâu, nên có nhiều công trình kiến trúc của người Pháp như đồn quân trú phòng, trạm khí tượng, nhà máy đèn, trạm y tế, giếng nước ngọt...

Trạm khí tượng được xây dựng và hoạt động từ năm 1938, đến năm 1947 được tổ chức khí tượng thế giới (WMO) công nhận và đặt số hiệu 48.860 trong mạng lưới khí tượng quốc tế. Đồn quân cũng như trạm khí tượng đều có hồ chứa nước mưa dưới nền nhà. Trên đảo không có cây nào, ngoại trừ phía sau đồn quân có khoảng 30 cây thông to gần một người ôm nhưng đã bị cắt ngang còn lại gốc cao độ 0.5m. Có một số gốc cây được khắc chữ Pháp:

–“Chúng tôi đã mất liên lạc với Bộ Chỉ Huy và không liên lạc được với bất cứ đơn vị nào trên bờ nên phải cắt cây làm bè để về đất liền”.

Quanh đảo thì có rất nhiều dây xanh mọc, to bằng cườm tay (không biết tên) bò chồng lên nhau, chiều cao chừng 0,5m rất rậm. Có hai ngôi mộ của binh sĩ cũng viết chữ Pháp. Tất cả gà và 3 con heo nhỏ chúng tôi đem theo được thả ra, chúng nó tự túc bằng các con còng và ốc mượn hồn (Hermit Crab) từ biển bò lên rất nhiều quanh đảo. Sau một tháng, thỉnh thoảng chúng tôi làm gà heo chia cho đảo Robert và trạm khí tượng. Đến Đầu Năm chúng tôi cúng Miếu Bà và ăn Tết lớn với heo gà còn lại.

Trên đảo có giếng nước ngọt, có khoảng 10 thùng xăng được sơn sạch để chứa nước uống. Chúng tôi chỉ uống nước mưa trong các thùng đựng xăng, nấu ăn thì dùng nước mưa dưới nền nhà, còn nước giếng thì để tắm, rửa chén đĩa và tưới rau cải. Sau một tháng rau cải lớn lên rất tốt, củ cải trắng lớn bằng bắp chuối; xà; dưa leo ra trái rất nhiều. Thỉnh

thoảng chúng tôi dùng xuồng cao su qua lại với nhau giữa đảo Hoàng Sa (Pattle) và Hữu Nhật (Robert) (hai đảo này cách xa nhau khoảng 4 km) để chuyện trò cùng chia sẻ thức ăn. Đảo Hữu Nhật rau trái còn tốt hơn nơi tôi ở, chim và trứng chim thì nhiều lắm, anh em còn bắt được cá mập nữa....

Quần đảo Hoàng Sa là một khu vực có vị trí địa lý trọng yếu trên tuyến đường biển nhộn nhịp qua biển Đông. Đứng trên sân thượng của đồn quân chúng tôi nhìn thấy nhiều tàu hàng của các nước qua lại mỗi ngày.

Biển Hoàng Sa rất trong nhìn tới đáy, với mắt thường không cần đến kính lặn, chúng tôi cũng có thể thấy rõ được những màu xanh tím đỏ vàng... của những nhánh san hô.... Hướng bắc của đảo có ngôi miếu được xây dựng từ thời vua Gia Long. Ngôi miếu được gọi là Miếu Bà thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Tôi ra biển thấy anh em đứng dưới nước sâu khoảng trên lưng quần nhưng mặc quần áo để câu vì sợ bị cá rĩa.

San hô mọc không đều nên khi nước thủy triều hạ xuống, có những vũng nước lớn đọng lại trong các khu san hô cao, nước sâu tới ngực, có nhiều cá, mực, tôm, chình chưa kịp rút lui theo thủy triều, bị kẹt lại trong những vũng san hô này. Chúng tôi nghĩ ra nhiều cách bắt cá.

Còn những vũng nước nhỏ sâu cỡ đầu gối, chúng tôi chỉ việc lấy rổ, các thùng nhôm đã được đục lỗ của các đơn vị trước bỏ lại để xúc hoặc lấy chĩa đâm đem về nấu ăn. Có anh lính câu được vài con cá đang đeo bên dây lưng, bất ngờ có con mực to đến lôi xâu cá làm anh ngã ngửa, anh em gần la lên chạy lại giúp đâm con mực rất to, phải 2 người mới khiêng được vào nhà, sau đó chia nhau xẻ thịt phơi khô.

Các sinh vật sống ở quần đảo Hoàng Sa trong đó nổi bật là sò khổng lồ, vỏ to như hai chiếc nón lá úp lại, gọi là Ốc Gân, đường kính trên 0,50m, nặng trên 6kg. Còn cá mặt trắng đuôi nhọn, cá thu song là loại cá to cũng có quanh đảo.

Ban đầu chúng tôi lấy thịt ốc gân về nấu ăn. Nhưng thời

gian sau chúng tôi chán không ăn nữa, khi thấy ốc gân thì chỉ đưa khúc cây vô miệng cho nó khẹp vỏ lại rồi dùng lưỡi lê xẻo lấy sợi gân to bằng bắp tay đem về ăn, phần còn lại phơi khô, thịt của ốc thì làm mỗi câu cá.

Nói về con đùn độn (thời gian này chúng tôi chưa biết tên hải sâm) không ai bắt vì chưa biết ăn, kể cả ở Cam Ranh cũng có đùn độn lên bãi mỗi ngày, binh sĩ phải vớt chúng trở lại biển vì không ai ăn hết.

Có rất nhiều loại hải sản ở Hoàng Sa như cá, tôm, cua, mực, rùa, đồi mồi, vích, đùn độn, ốc tai tượng, ốc gân, ốc hương, ốc vú nàng, ốc mượn hồn, ốc xa cừ, ốc gạo v. v. . Ốc vú nàng có hình xoắn nhiều vòng và có chóp nhọn như hình kim tự tháp lớn bằng nắm tay, vì vậy nên được gọi là ốc “vú nàng”. Ốc này ăn rất ngon, và còn có nhiều loại ốc hoa dùng trong lĩnh vực mỹ nghệ rất đẹp mắt.

Có các loại tôm như: tôm hùm bôm, tôm hùm đá, tôm hùm đỏ. Riêng bào ngư ở quanh đảo Hoàng Sa thì không có nhiều.

Chim ở Hoàng Sa rất nhiều, những loại chim mà chúng tôi thường thấy là hải âu, nhạn biển, yến, bồ nông. Đảo là nơi ẩn trú của các loài chim biển, nhất là chim hải âu. Chim bay ra biển kiếm ăn rồi trở về đảo, chúng đẻ ngay trên đất, không cần làm tổ. Trứng của chúng to hơn trứng gà, vỏ mỏng màu trắng điểm nhiều đốm đen. Còn chim yến làm tổ ở nơi đâu chúng tôi không biết. Chỉ khi nào ở Hoàng Sa bị bão, chúng bay đến tạm trú nơi đồn quân, qua cơn gió bão chúng lại bay đi. Nhiều chim như vậy nên phân chim qua nhiều năm tạo thành những lớp phân phốt-phát dày, nhưng rất tiếc chính phủ VNCH hồi đó chưa có kế hoạch khai thác.

Bên cạnh chim biển, động vật đáng kể đến là rùa biển. Rùa biển sinh sản trong vùng nhiệt đới. Rùa đẻ trứng vùi trong cát. Trứng rùa cần nhiệt độ cao mới nở được. Một loại rùa biển có giá trị thương mại đáng kể là đồi mồi.

Rùa biển khác với rùa sống trên cạn ở vài điểm như 4 chân biển thành vây để bơi. Rùa biển bơi lẹ làng và vì sự

tiến hóa, vây dài thêm không còn thu gọn lại được trong mai như rùa đất. Rùa biển mà người ta gọi là con vích, lớn lắm, có nhiều con chúng tôi bắt được mai to đường kính trên 1m. Tuy là con vật sống dưới nước nhưng về đêm vích từ biển lại bò lên bờ cát đào ổ cạnh những bụi rậm để đẻ. Trứng vích tròn và nhỏ như quả bóng bàn, vỏ trứng mỏng nhưng dai, màu trắng. Khi luộc trứng vích, lòng đỏ trứng đông cứng lại như lòng đỏ trứng gà nhưng lòng trắng thì vẫn lỏng.

Một con vích đẻ gần cả trăm trứng, có con đẻ nhiều hơn. Có đêm tôi ra xem vích đẻ, tôi đến gần ngòi bên cạnh chiếu đèn mà vích vẫn nằm yên. Đêm sau tôi đem theo bao đựng gạo lót phía dưới khi vích bắt đầu đẻ, đến khi nó ngưng đẻ tôi túm bao lại xách lên đứng xem nó làm gì khi không còn trứng? Con vích bắt đầu dùng hai chân sau lấp cát lại. Lỗ cát đã đầy và nó xoay mình dùng bụng để khóa bằng ổ trứng vừa mới đẻ, rồi từ từ bò xuống biển. Thịt vích ăn cũng ngon, giống như thịt bò, màu đỏ nhưng rất mềm lại có thể xẻ ra làm khô. Đồn quân có 2 tầng, trên là sân thượng để quan sát. Chúng tôi cũng xử dụng sân thượng để phơi khô cá, ốc gân và mực bắt được hàng ngày.

Ngoài ra Hoàng Sa còn có nhiều loại rong biển để làm thức ăn có dinh dưỡng cao và cũng là nguồn dược liệu phong phú. Hoàng Sa là nơi thỉnh thoảng có tàu lớn của Nhật ghé qua xin lấy rong biển và nước ngọt thời gian 2-3 ngày. Chúng tôi chỉ cho họ nước giếng ngoài trời. Mỗi lần xin nước trên 10 thùng xăng, mỗi thùng (200 lít) mà giếng vẫn đầy. Họ đem cho chúng tôi rất nhiều hải sản với trái cây và bánh kẹo.

Có buổi trưa tôi lấy xuồng cao su chạy ra biển xem cách lấy rong biển của người Nhật, trên chiếc tàu lớn này có nhiều xuồng mà họ đã thả xuống biển trên 20 chiếc, mỗi xuồng chỉ có 1 người đeo theo con dao với bình dưỡng khí để lặn. Họ lấy rong biển gì tôi cũng không biết tên, loại rong lá to hơn bàn tay mà dài chừng 0,3m với một số rau câu. Trên xuồng chỉ có một bình nước để uống, 1 tô cơm không có thức ăn,

1 chai xì dầu và 1 cây chĩa. Đến giờ ăn, anh ta cầm cây chĩa nhảy xuống biển lội hai ba phút đã trôi lên với con cá cỡ hai ba ký. Anh này chỉ lấy 2 miếng nạc hai bên con cá, phần còn lại vứt xuống biển. Thấy anh ta bắt cá dưới biển giống như lấy cá từ trong thùng ra vậy.

Sau thời gian 3 tháng thì có đơn vị khác luân phiên ra Hoàng Sa, nên chiến hạm đến đón chúng tôi trở về Tiểu Đoàn 2 ở Cam Ranh.

Dù ngoài biển đảo các chiến sĩ TQLC/VN luôn đứng hiên ngang giữa bão tố phong ba để canh giữ từng mỏm đá, từng bãi san hô, giữ ngọn lửa luôn thấp sáng cho chủ quyền của Tổ Quốc Việt Nam.

Sau khi đọc bài viết này tôi mong rằng Hoàng Sa không còn là nơi xa lạ nữa mà lúc nào cũng gần gũi trong vòng tay của chúng ta.



Ốc Mượn Hồn

Ốc mượn hồn (người Mỹ thì gọi là cua Hermit Crab) là một loại tôm không có vỏ, có 2 càng, càng lớn để phân công, càng nhỏ để xé mồi ăn, để bị tổn thương và để bảo vệ bản thân nó chui vào những vỏ ốc trống thường thấy rất nhiều trên đảo Hoàng Sa. Khi Hermit Crab lớn lên, nó phải tìm một vỏ ốc khác thay thế vỏ cũ đã chật chội.

Tài liệu tham khảo:

Đại Nam Thực Lục Chính biên

Phủ biên tạp lục của nhà Bác Học Lê Quý Đôn.

Archives des mission Etrangères de Paris 1838Jean Louis Taberd

Sách Thánh Vũ Ký



HAI VỢ SAO ĐÃ TẮT

đông hương

Bức điện tín đến Toulouse năm 1968 đề tên Tôn Thất Hanh, ba tôi. Ông mở vội ra xem rồi cũng vội gấp lại bỏ vào túi áo, quay lưng lại chúng tôi (hình như muốn giấu một điều gì đó không hay thì phải) vì thấy Ba tôi đang kể chuyện cười. Mẹ tôi như có linh tính, hỏi:

- Ai gửi điện tín gì vậy anh?

Ba tôi ngáp ngừng, mẹ tôi thò tay vào túi Ba tôi, mở ra đọc và té xiủ quy xuống. Ba tôi và tôi phải lay mãi Mẹ tôi mới tỉnh lại, nước mắt bà đầm đìa.

Tôi cầm lấy bức điện tín đọc:

- “Anh Hanh và chị Ba, hai cháu Ân và Rê chị bị rớt máy bay và chết rồi”. (Rê chị là tên của Chị Thanh)

Hai đầu gối tôi run, tôi hiểu vì sao Mẹ tôi xiu, anh Ân và chị Thanh là hai người cháu bà thương nhất trong đám con của cô ruột tôi.

Thật ra, Mẹ tôi thương quý con cháu như ruột thịt, không có gì khác biệt giữa các anh chị và chị em tôi.

Mẹ tôi tỉnh dậy, bảo Ba tôi phải đổi ngay vé máy bay để về Sài Gòn.

Hôm sau, tôi đưa Ba Mẹ ra phi trường, nhìn ông bà thất thểu đi nhau qua cửa hành khách ra máy bay, thấy ông bà bỗng chốc già đi mấy chục tuổi...

Anh Ân, chị Thanh

Đáng lý ra em viết về anh chị đã lâu, các bạn em, và những người lính bạn của mọi Binh Chủng VNCH cũng muốn em viết chút ít về anh chị, vị Tướng mà ai cũng quý mến và tưởng nhớ cho đến bây giờ. Em cũng muốn lắm nhưng khi em hỏi ý cô ở Toronto, cô buồn bảo:

- Thôi con, anh chị đã mất lâu rồi, đừng khơi lại chuyện cũ và để anh chị yên nghỉ.

Bây giờ cô cũng không còn, nhưng những bài viết về anh chị, nhất là anh, một vị tướng lãnh của Quân Lực VNCH rất được yêu chuộng, ngay cả những người lính trẻ, cho dù bất cứ Binh Chủng nào, ai cũng còn nhớ tên Tướng Trương Quang Ân, điều này lại làm tôi nung nấu muốn viết về hai cái tên quen thuộc Trương Quang Ân và Dương Kim Thanh .

Cuộc đời và sự nghiệp của hai anh chị thì ai cũng đã biết và

đã nhiều người viết như anh Phan Nhật Nam, Phạm Tín An Ninh nên đâu cần tôi viết điều đó, và tôi cũng muốn nhấn mạnh là chị Kim Thanh, một trong những người đàn bà Nhảy Dù đầu tiên của Việt Nam. Anh Ân rất hào hoa phong nhã, một vị tướng rất thanh liêm, xứng đáng là một sĩ quan VNCH. Anh chị rất xứng đôi, anh đến với chị bằng tình yêu tuyệt đẹp. Chị Thanh là người con gái đẹp vừa phải, không đến nỗi sắc nước hương trời nhưng nói về tính tình thì chị thật xứng đáng để mọi người từ gia đình đến bạn hữu cảm mến.

Có lẽ vì yêu anh mà chị đã theo đuổi sự nghiệp nhà binh, chị cũng ở cùng một binh chủng Dù như anh.

Có lần anh chị đến nhà chơi lúc đầu, tôi theo hỏi anh đã quen chị tôi ở đâu, anh cười bảo

- Anh chị gặp nhau trên trời.

Tôi lấy làm lạ câu trả lời của anh, sau mới hiểu ra là anh chị nhảy dù chung.

Đặc biệt nhất là đám cưới anh chị, từ trên máy bay trực thăng, cô dâu và chú rể nắm tay nhau nhảy xuống, thật là lãng mạn, đẹp chưa từng thấy.

Lúc đó tôi chưa đến tuổi trăng tròn, bị Mẹ cấm không cho đi chơi tối với bạn, chỉ những lúc anh chị đến xin phép tôi mới được đi ăn kem hay uống nước, xem anh đánh billard.

Tôi thương anh vì anh rất trung hậu, ngay thẳng, thanh liêm, không vì chức tước mà làm những điều không xứng đáng của một sĩ quan quân đội VNCH.

Như lần anh đi bộ đến nhà, lúc anh đang làm tỉnh trưởng Gia Định, mặt mày xanh lét, Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi anh

-Ừa con đi bộ mệt hả Ân?

Anh xin lỗi Mẹ tôi rồi chạy gấp vào toilet, lúc sau ra, anh trả lời:

-Dạ không, tại xe con hết xăng nên bị panne, con phải đi nó đặng kia và đi bộ đến nhà Mợ.

-Chứ sao con không đổ xăng nhà binh?

-Dạ con vẫn đổ xăng mỗi lần con đi việc cho nhà binh, nhưng nay con đi chuyện riêng nên con không muốn vì xăng nhà binh là của nhà binh Mợ ạ.

Hôm anh đến nhà chơi và báo tin cho Ba Mẹ tôi hay anh sắp từ chức Tỉnh Trưởng Gia Định, Ba tôi hỏi tại sao, anh nói tại có một bà Tướng sai lính đến đưa cho con tờ giấy nhờ con ký tên cho bà ta chiếm lại phần đất nào đó, con xét đơn khiếu nại của bà, thấy phần đất ấy bà ta không có quyền hưởng, con không ký, bà ta gọi điện thoại cho con bảo con nếu con không bằng lòng ký đơn cho bà, bà sẽ làm cho con mất chức ngay, nên con xin từ chức thay vì phải làm một việc bất hợp pháp.

Có lần ngồi chơi với anh, tôi ngây thơ nói:

-Ước chi sau này lớn lên, em cũng tìm được người lính Dù như anh để thương và lấy làm chồng. Anh cười, vuốt tóc tôi:

-Biết đâu duyên trời hả Inou? Nhưng duyên trời và ước mong của tôi không bao giờ đến, xa với cái ước ao của mình là làm một người em gái hậu phương!

Tôi đi học xa, ở lại xứ người và lập gia đình, chồng tôi là bác sĩ mổ xẻ, xa hẳn luôn anh chị...

Mẹ tôi rất buồn và bị ám ảnh về cái chết của anh chị. Mẹ vẫn nói, chị Thanh chết là phần lớn lỗi tại bà, số là trước đó Mẹ tôi qua Nhật chơi, có mua một chuỗi ngọc trai đen (perle noire) cho tôi khi bà qua Pháp thăm tôi; không ngờ lúc Mẹ

về, chị Thanh xuống nhà thăm Ba Mẹ, Mẹ đưa cho chị xem râu chuối, thấy chị trâm trờ khen đẹp, Mẹ bảo:

-Nếu con thích, mợ tặng con đó.

Sau khi về lại Saigon, Mẹ tôi đi cùng với chị Sơn, em gái chị Thanh lên Kontum để dọn nhà cho anh chị tôi, Mẹ tôi thấy râu chuối, Mẹ đem về quăng xuống sông Saigon.

Trở lại với sự thanh liêm của vị Tướng lãnh này, sau khi anh chị mất, gia đình nhận được số lương cuối cùng của anh là 53000 đồng VN, trong tủ áo, chị Thanh vón vện 3 áo dài, ngoài ra đồ đạc trong nhà rất đơn sơ.

Tối hôm đó Mẹ tôi ngồi dưới bếp nói chuyện với anh bếp, bà nghe anh kể:

-Tôi lẩm bà ơi, tuy là bà Tướng như ai; lẽ ra sung sướng như những bà tướng khác, bà tướng của con cứ đến chiều thứ Sáu đưa cho con tiền, nhờ con đi mua bột, đường và trứng để bà làm bánh để mai nhờ con đi bỏ mỗi giùm.

Cái chết của anh chị có những điều mình không cắt nghĩa được, tối trước ngày anh mất, anh xuống câu lạc bộ, đãi hết những người trong tối đó, anh hỏi bạn hữu sĩ quan và lính tráng xem anh còn mắc nợ ai bao nhiêu để anh thanh toán ngay, như anh có một linh tính nào đó.

Tuần lễ trước khi anh mất, anh bệnh và được ở nhà dưỡng bệnh, nhưng anh muốn đi cùng chị ủy lạo binh lính và gia đình lính nên anh chị cùng đi bằng trực thăng.

Mỗi lần anh chị đi như vậy, anh chị vẫn đem theo cháu trai nhỏ theo làm mascotte, nhưng lần này anh chị không cho cháu theo. Ngay giờ máy bay bị cháy rơi xuống đất, thằng bé đang nằm ngủ cạnh bà ngoại, bỗng chồm dậy khóc ré lên:

- Máy bay cháy, máy bay cháy...Cô tôi không hiểu gì, ngỡ

nó nằm mơ, sau đó có người đến cho hay tin anh chị bị chết cháy, thật thảm thương.

Anh Ân, Chị Thanh,

Còn nhiều những chuyện chung quanh cái chết của anh chị, nhưng em chỉ viết nhiều đó thôi để tưởng thương anh, một vị Tướng Dù, binh chủng mà ngày trẻ em vẫn mơ, cho đến cuối đời, hình ảnh anh chị vẫn hiện diện trong tim em. Em cảm ơn trời đã cho gia đình mình vị tướng lãnh như anh, Trương Quang Ân và một chuẩn úy Dù như chị, Dương Kim Thanh.





TiênSha-Lê Luyện

Người đàn ông chạy xe ôm, khuôn mặt sạm đen mưa nắng khắc khổ. Dầu dưới vành mũ rộng là đôi mắt đã nhạt màu tinh anh và mái tóc lốm đốm bạc, nhưng nụ cười thì vẫn trẻ trung, nở toét ra mừng vui khi nghe tiếng gọi tên mình và bất chợt nhìn thấy người đàn ông ăn mặc tươm tất, đang ngồi sau xe máy chạy song song với mình trên đường phố đông đúc buổi chiều. Cả hai xe hồi hả tấp vào bên lề đường. Rồi mặc kệ thiên hạ ngỡ ngàng, họ nhào đến ôm chầm lấy nhau, tay trong tay, mặt rưng rờ, tiếng cười vui bật ra giòn giã mà nước mắt thì lại long lanh lưng tròng. Dòng xe cộ xuôi ngược chạy chậm lại để nhìn xem cảnh tượng kỳ lạ. Người đàn ông đứng tuổi âu yếm vuốt ve đôi vai gầy của

anh xe ôm ra chịu trôi mền. Anh xe ôm rung rung nước mắt cảm động, lúng túng vo tròn chiếc mũ trong tay, miệng lí nhí

- Ông thầy về khi nào? Vẫn mạnh khoẻ chứ? Có gặp mấy người anh em của mình ở bên không?

Chiếc mũ bều nhều, veo vọ trong đôi bàn tay thô ráp, chai sạn của người lính tuổi về chiều. Thoáng nghe mấy lời chân tình, chân chất của đàn em, khiến lòng người đàn ông đứng tuổi xúc động bồi hồi. Thì ra bao giờ cũng vậy, tình cảm cao quý của người lính trận năm xưa vẫn luôn canh cánh bên lòng, trọn cả cuộc đời.

Họ ngồi đối diện trong ngôi nhà hàng sang trọng vào bậc nhất thành phố, chậm rãi nhâm nhi từng hớp bia lạnh, kể cho nhau nghe nhiều câu chuyện cuộc đời. Những mẩu chuyện không đầu đuôi, không thứ tự lang lớp, cứ trộn trấu lẫn lộn trước sau, cả quá khứ và hiện tại, cả người sống lẫn chết, cả buồn vui và đau thương, khiến kẻ ngoài cuộc không làm sao hiểu nổi, trừ hai người đàn ông. Vậy mà họ cứ vùi đầu vào nhau kể lể, có lúc trầm thì, có lúc oang oang, rồi cười vang thích thú, hay trầm ngâm suy tư, hoặc có lúc rơm rớm hai hàng lệ.

Quán về chiều đông khách dần. Người ta nhìn họ cứ tưởng là hai kẻ mất trí. Mặc kệ, họ cũng chẳng cần để ý đến ai, đến mọi việc diễn ra chung quanh làm gì. Họ đang sống cho chính họ, cho niềm vui hội ngộ, cho nguồn hạnh phúc tràn trề. Hai người hầu như quên bằng thời gian, không gian. Phong thái, cung cách họ vẫn có cái gì đó ngang tàng, bất cần, hao hao giống ngày xưa thời trong quân ngũ. Sự việc cứ thế diễn ra suốt nhiều giờ đồng hồ. Các cô hầu bàn đã mấy lần thêm bia, thêm thuốc lá, ánh mắt nhìn hai người tò mò, lạ lẫm. Họ cũng không thèm để tâm, thuốc cứ liên tục nhấp khói, bia vẫn rót đều đều tràn ly và họ uống hết ly này qua ly khác uống cạn đến giọt cuối cùng mà thức nhắm thì không hề đụng đũa tới.

Giọng người chạy xe ô m nồng nặc hơi men, vẫn bộc trực thẳng thắn như thuở nào:

- Thế mà ai cũng nghĩ rằng đời sống dư thừa, tiện nghi và sung sướng trên đất Mỹ đã khiến quá khứ ngủ quên và làm thui chột ý chí người lính cộng hòa năm xưa, nên ông thầy chẳng còn nhớ gì đến mấy thằng em sinh tử ngày xưa, may mắn còn sống sót, đang lây lất đau khổ ở quê nhà nữa chứ?

Có tiếng thở dài nhẹ nhẽ của người đàn ông bảnh bao, sau lời trách móc bóng gió của đứa đàn em. Giọng ông trầm xuống, thì thầm:

- Làm sao anh có thể quên được các chú với tháng ngày cùng gồng gánh khổ đau, chia nhau từng giây phút tử sinh. Riêng với chú, anh lại càng nhớ những túi gạo thấm đầm mồ hôi tình nghĩa mà chú đã cực khổ dẫu diêm công an, thuế vụ mang từ quê ra cho các cháu trong thời gian anh mới ở tù về. Tất cả đều là kỷ niệm ân tình đầy máu lệ. 16 năm qua, tuy chưa một lần trở về thăm quê hương, nhưng anh vẫn nhớ người cố gắng đi tìm tung tích những chiến hữu còn sống sót trong trận đánh quyết tử tuyệt vọng năm xưa. Thế mà ...

Giọng ông bỗng trở nên thông thiết, bi thương:

- Như chim trời cá nước, bật vô âm tín, chẳng có thông tin chính xác nào để biết được ai còn ai mất. Cả trong chuyện về ngắn ngủi này, anh cũng đã lặn lội nhiều ngày, đi đến nhiều nơi, thăm hỏi nhiều người, để tìm các chú. Cứ những tưởng rằng hoài công vô vọng, thế mà bất ngờ lại gặp chú trên đường phố, anh mừng lắm. Cám ơn trời cao không phụ lòng người.

Lúc hai thầy trò bá vai nhau, liêu xiêu rời khỏi nhà hàng thì thành phố cũng vừa lên đèn. Chiếc taxi đậu sẵn bên đường chờ họ. Thằng đàn em dìu người sĩ quan chỉ huy năm xưa lên xe, rồi rập chân đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào kính tiễn đưa, chẳng khác chi thời còn xúng xính áo trận, giày saut. Vài khách bộ hành đi ngang qua nhìn họ, có kẻ nhăn mặt khó chịu nhưng cũng có người trở mắt khâm

phục. Mặc xác thiên hạ. Người lính cộng hòa năm xưa vẫn thản nhiên, chẳng hề bận lòng ai khen ai chê. Người đàn ông đứng tuổi ngồi trong taxi đưa tay vẫy chào thân ái, giọng đặc quánh hơi men:

- Thằng em chạy xe cẩn thận nghe. Sáng mai anh sẽ qua thăm gia đình chú sớm.

Hôm sau người đàn ông Việt kiều tìm đến căn nhà tuềnh toàng của thằng đàn em, cho các cháu chút quà, hỏi thăm sức khỏe mẹ con người lính, rồi sau đó ông quyết định đi tìm thăm lại chôn chiến trường xưa, nơi mà 31 năm trước đã diễn ra trận đánh đẫm máu cuối cùng, trước khi đơn vị tan hàng.

Chiếc xe gắn máy chạy trên quốc lộ I. Nhìn ruộng đồng, nương vườn, nhà cửa chung quanh, đâu đâu cũng thấy lạ lẫm, khác xưa nhiều quá. Chừng một giờ sau, xe bỏ quốc lộ I quẹo vào con đường hương lộ, và chạy tiếp vài trăm thước thì xe dừng lại. Xa xa phía trước là rừng núi thâm u, hai bên đường là những cánh đồng ruộng mênh mông kéo dài và nằm sâu vào bên trong một chút, vài thôn làng sầm uất, dân cư trù phú đông đúc. Ông trầm nghĩ, nếu không có thằng đàn em này hướng dẫn thì làm sao có thể tìm ra được nơi chôn đầu buồn năm xưa này. Ông ngậm ngùi hồi tưởng lại câu chuyện cũ.

Ngày 26 tháng Ba năm 1975, trên đường lui quân về Đà Nẵng, đại đội bị mất liên lạc. Người lính truyền tin vào tần số riêng để gọi tiểu đoàn, liên đoàn nhưng vô vọng. Chúng tôi như đàn gà con lạc bầy. Sau lưng là căn cứ Chu Lai, rồi thị xã Tam Kỳ, Thăng Bình lần lượt rơi vào tay địch. Tôi bàng hoàng tự hỏi: có phải là cơn ác mộng không? Nhìn đám lính dưới quyền mà thấy quặn thắt trong lòng. Họ bao giờ cũng trọn tình trọn nghĩa và đặt hết niềm tin tưởng vào tôi, không bao giờ rời bỏ vị trí đầu tư bề thọ địch như tại đồi 31 của mặt trận Hạ Lào hay trong cơn thập tử nhất sinh của

mùa hè đỏ lửa. Cuối cùng tôi quyết định rút về Quân đoàn theo con đường bộ duy nhất trên quốc lộ I, với hy vọng địch chưa kịp chiếm giữ.

7 giờ sáng ngày 27-3, sau một đêm rã rời thức trắng canh giặc, chúng tôi vừa đặt chân đến gần ngã ba này thì chạm địch. Tiếng súng đủ loại bất ngờ rộ lên vang rền, xen lẫn tiếng la hét điên cuồng của bọn người man rợ, say máu đồng chủng: “Bắn hết, giết hết bọn chúng, không để đứa nào chạy thoát”. Nhưng chúng không ngờ đã vấp phải sự chống trả mãnh liệt của những chiến binh kiên cường, vốn đã thiện chiến nay lại lâm cảnh đường cùng, tìm cái sông tóe tóc trong cái chết trùng trùng, thì tất nhiên sự chiến đấu liều mạng phải dữ dội lắm. Vài chiếc áo rằn ngả xuống ngoài bờ lộ, đổi lại là hàng chục xác người nón cối, dép râu nằm la liệt, chồng chất lên nhau bên mấy luống đậu, vồng khoai. Người dân tò mò kéo nhau ra xem trận hỗn chiến kịch liệt giữa thanh thiên bạch nhật, không ngại vạ lây súng đạn vô tình. Trong khoảnh khắc khốn cùng tuyệt vọng, những người lính cộng hòa lấn sả vào địch thủ quyết mạng đổi mạng. Họ dựa lưng vào đồng đội, tay súng rung lên từng loạt; Họ sát cánh bên người chỉ huy, tinh thần không hề sợ sệt nao núng, chiến đấu anh dũng đến giây phút cuối cùng.

Thế rồi một giờ đồng hồ sau, trận địa đột nhiên vang lên nhiều tiếng đạn cối nổ chập xuống đội hình chúng tôi, cộng thêm tiếng nổ hai lần chát chúa của súng phòng không 12 ly 7, khiến đại đội tan tác, chẳng mấy ai còn lành lặn. Sự tham chiến bất ngờ của hai cây súng cộng đồng lợi hại, báo cho tôi hiểu rằng đơn vị địch đang được tăng viện.

Nhìn anh em lần lượt ngã xuống tôi đau lòng quá, chỉ muốn chết đi để họ được rảnh tay tìm đường đào thoát. Vừa nghĩ đến đây, chợt có ai đó nắm sợi dây ba chạc trên người tôi, kéo tôi chạy về hướng thôn làng phía sau, bên tai thoảng nghe tiếng nói của người lính cận vệ: “Anh em tả toi hết rồi. Bọn chúng đang tăng viện. Chạy mau đi ông thầy ôi”. Tôi chạy như cái xác vô hồn, trốn được vào thôn xóm và

nhờ người dân che giấu, rồi hôm sau cải trang ngồi xe trâu, lặn ra đến thị trấn Vĩnh Điện thì thành phố Đà Nẵng cũng vừa bỏ ngõ.

Hai người đàn ông đốt bó nhang rồi chia nhau. Họ lâm râm khấn vái giữa thình không đất trời, bên nương khoai rẫy bắp bụ bẫm, xanh tốt đang vươn lên từ lòng đất mẹ, nơi đã từng che chắn ngăn cản những làn đạn tử thần của kẻ thù, nơi đã thấm đẫm biết bao máu thịt của những người lính trận trung nghĩa, dũng cảm. Người đàn ông nét mặt xúc động, chí thành hướng về phía thôn làng vái lạy như để tạ ơn những người ân nhân hiền lương, nhân hậu, chẳng hề biết danh tánh ngày xưa, đã cứu thoát ông khỏi rơi vào tay kẻ thù bạo tàn.

Họ im lặng ngồi bệt xuống vệ đường, thần thờ nhìn mấy cánh cò trắng cao lêu khêu, nhả nha đi tìm mồi bên những hồ nước ngẫu đục, có thể do bom đạn gây nên trước đây vẫn còn sót lại đến bây giờ, như dấu tích nhắc nhở một thời chiến chinh tàn khốc, điêu linh. Dân làng qua lại trên đường nhìn hai người với ánh mắt ngạc nhiên. Họ đâu biết rằng hai người đang tưởng nhớ đến những chiến hữu anh hùng năm xưa, đã dũng cảm chiến đấu và oanh liệt ngã xuống tại mảnh đất nhỏ nhoi này vào giây phút cuối cùng của cuộc chiến.

Thoảng trong gió, họ nghe như có âm vang từ quá khứ vọng về tiếng súng trận rền vang xen lẫn tiếng kêu gào: “Ông thầy chạy đi, chạy mau đi”. Ngồi bên bờ ruộng, người đàn ông Việt kiều nấc lên, đôi mắt lai láng hai dòng lệ, miệng rưng rưng lâm nhâm: “Các chú tha lỗi cho anh, đã không chu toàn trách nhiệm ...”

Vị sĩ quan chỉ huy ngày xưa tạm biệt người đàn em trung nghĩa thủy chung, lên đường trở lại Mỹ.

Hôm sau đứng vào giờ cơm tối, một thanh niên lạ tìm đến tận nhà, trao cho người lính chạy xe ôm một gói quà nhỏ và một phong bì, rồi cúi chào quỳ gót trở ra tức thì. Ngạc

nhiên, bất ngờ chưa kịp hỏi lời nào thì chàng thanh niên đã khuất dạng.

Tần ngần bóc lá thư ra xem. Những tờ bạc xanh một trăm đô la theo nhau rơi ra làm hai vợ chồng sửng sờ. Người vợ hỏi chồng mở thư ra đọc. Thư chỉ viết vồn vện nửa trang giấy ngấn ngùi, nhưng đã làm người đàn ông ôm mặt bật khóc.

Chú thím thân mến!

16 năm mới có một lần trở về quê hương. Thế rồi nhờ chú mà anh được thỏa lòng ước nguyện; được nhìn lại cảnh xưa, thấp nén nhang tưởng niệm, được hỏi tường lại từng khuôn mặt anh em đồng đội, được sống tình nghĩa với người đã nằm xuống trong giờ phút quyết liệt tử sinh, dầu không trọn vẹn tất cả nhưng cũng tỏ được phần nào tác lòng thương tiếc thủy chung khi tàn cuộc. Chừng đó thôi cũng giúp anh toại nguyện, an lòng được đôi điều ao ước ấp ủ bấy lâu nay. Anh cảm ơn chú nhiều lắm. Nhìn tương lai các cháu, muôn làm một việc gì đó để giúp chú nhưng anh biết...

Hai chúng ta đã từng có một thời gian sống như anh em ruột thịt, nên anh hiểu rõ tính ý chú. Thật thà và ngay thẳng đến độ cực đoan thái quá. Biết là thế nào chú cũng từ chối, do vậy túng cùng anh mới phải dùng đến cách này. Thông cảm cho anh nhé. Giúp chú, không phải vì nghĩ chú không đủ sức lo cho gia đình được no đủ. Hết chiến tranh rồi nhưng đâu phải là không còn cảnh nghèo khổ. Có kẻ còn thiếu thôn gấp bội chú, không có lấy một mái nhà rách nát để đụt mưa trú nắng khi cơ nhỡ. Anh tặng chú số tiền ít ỏi này là để nhớ đến tình nghĩa của chú, xưa nay đều vậy, trước sau như một... Cái nghĩa lớn vì dân tộc, tổ quốc và chút tình riêng tư với người chỉ huy, người anh trong đại gia đình quân đội.

Nhân nghĩa thời nay trong xã hội VN vốn là món hàng xa xỉ, rẻ như bèo. Nhưng việc làm của chú, người chiến binh cộng hòa năm xưa cũng đủ tiêu biểu cho đạo lý tình người sống ở trên đời, khiến thiên hạ phải khâm phục, không làm sao không nghĩ đến. Thôi thì chú vui lòng nhận lấy, xem

như là chút tình của người anh phương xa từng vào sinh ra tử với thằng em, tuy nghèo tiền bạc nhưng giàu đạo nghĩa giang hồ.

Anh đi, cầu chúc gia đình chú thím ở lại quê nhà mạnh khoẻ và hạnh phúc. Hẹn gặp lại trong một ngày rất gần và tốt đẹp như ước mơ.

Anh.

Người xe ôm thần thờ buông rơi lá thư. Con gió chiều thoảng qua, thổi bay những tờ đôla trên bàn rơi lá tả xuống đất. Ánh mắt anh nhìn theo, đứng đung. Anh không hề thấy cái gì khác ngoài khuôn mặt yêu thương, cương trực của vị sĩ quan chỉ huy năm xưa, kể cả những tờ bạc quý giá mà ai cũng hằng ao ước, ưa thích./-

